

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 1837/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020, bao gồm những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang định hướng phát triển lấy công nghiệp làm nền tảng; tiểu thủ công nghiệp - thương mại dịch vụ; nông nghiệp theo chiều sâu; nông thôn hiện đại theo các tiêu chí nông thôn mới và phấn đấu đến năm 2020, thị trấn Ngã Sáu đạt đô thị loại IV.

Tăng cường củng cố quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, quyết tâm đấu tranh nhằm ngăn chặn các diễn biến của các thế lực thù địch có âm mưu

phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

- Mục tiêu đột phá: Huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trong đó, phát triển đồng bộ giao thông và các vấn đề xã hội là trọng yếu.
- Phát huy tối đa khả năng lợi thế về mặt vị trí địa lý - kinh tế và theo định hướng công nghiệp của tỉnh, thực hiện hoàn thiện mục tiêu phát triển Khu công nghiệp Sông Hậu từ nay đến năm 2020.
- Phát triển dịch vụ tương xứng với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, đặc biệt các loại hình dịch vụ vận tải, kho bãi và mậu dịch.
- Thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, phát triển bền vững. Hướng nghiệp đào tạo và ứng dụng các mô hình canh tác, tổ hợp tác nông nghiệp, dịch vụ một cách có hiệu quả. Hỗ trợ đào tạo nghề, kỹ thuật cho người nông dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

(1) Giá trị sản xuất theo giá 2010 đến năm 2020 đạt 16.710 tỷ đồng, tăng bình quân 12,92%/năm; trong đó khu vực I: 1.038 tỷ đồng, tăng 4,2%/năm, khu vực II: 13.041 tỷ đồng, tăng 14,25%/năm, khu vực III: 2.631 tỷ đồng, tăng 11,09%/năm.

(2) Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: nông - lâm nghiệp - thủy sản: 4,76%; công nghiệp - xây dựng: 61,06%; dịch vụ: 34,18%.

(3) GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 91 triệu đồng/người/năm, (tương đương 4.136 USD).

(4) Tổng mức đầu tư toàn xã hội trên địa bàn 5 năm 2016 - 2020 khoảng 13.000 - 15.000 tỷ đồng, tăng bình quân 15%/năm.

(5) Tổng thu ngân sách trên địa bàn 5 năm 2016 - 2020 từ 2.500 - 2.900 tỷ đồng, tăng bình quân 5,5%/năm, trong đó năm 2020 thu ngân sách đạt: 660 tỷ đồng.

(6) Dân số trung bình đến năm 2020 khoảng 90.000 người, tỷ lệ dân số thành thị đạt 25,17%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 10 ‰/năm.

(7) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm trên 2%.

(8) Đến năm 2020 huy động 10% trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ, 80% trẻ trong độ tuổi từ 3 - 5 tuổi đi mẫu giáo. Huy động 99,9% học sinh tiểu học trong độ tuổi từ 6 - 10 tuổi đến trường, 99,5% học sinh trung học cơ sở trong độ tuổi từ 11 - 14 tuổi), 85% học sinh trung học phổ thông trong độ tuổi từ 15 - 17; số sinh viên trên 1 vạn dân là 130; trường đạt chuẩn quốc gia chiếm từ 70 - 80% tổng số trường, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông.

(9) Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 8%; số bác sĩ trên vạn dân là 8,3 bác sĩ; số giường bệnh trên 1 vạn dân là 18,3 giường; số trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và có bác sĩ là 100%; tỷ lệ người dân tham gia các

hình thức bảo hiểm y tế 85%; tuổi thọ trung bình 76 tuổi.

(10) Giải quyết việc làm trong 5 năm là 15.000 - 16.000 lao động, mỗi năm bình quân 3.000 - 3.200 lao động. Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đến năm 2020 đạt 45 - 50%.

(11) Số thuê bao điện thoại/100 dân là 90 điện thoại; diện tích nhà ở bình quân/người 23 - 25 m².

(12) Đến năm 2020 có 80% xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới, 100% thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

(13) Xã nông thôn mới đạt 50% vào năm 2020, số xã còn lại đạt từ 50-70% về các tiêu chí.

(14) Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh là 98,5%; tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch 91%.

(15) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở trung tâm xã, thị trấn 97%; tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn 100%.

(16) Tỷ lệ hộ sử dụng điện: 99,9%.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp, xây dựng

a) Ngành công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn, sử dụng hiệu quả các lợi thế về nguyên liệu nông nghiệp tại chỗ.

- Tập trung, ưu tiên đầu tư phát triển cho ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến thủy sản và đồ uống theo hướng ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường.

- Các cụm công nghiệp tập trung nhằm thu hút đầu tư phát triển các ngành phù hợp với đặc điểm tự nhiên kinh tế của huyện, phù hợp với trình độ phát triển của huyện và gắn với công tác bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mục tiêu phát triển: Đến năm 2020 giá trị sản xuất của ngành công nghiệp đạt 12.486 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016-2020 đạt 14,15%/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng (GTGT) công nghiệp giai đoạn 2016-2020 là 16,87%/năm. Đến năm 2020, GTGT công nghiệp là 3.727 tỷ đồng (theo giá hiện hành).

Định hướng phát triển các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN):

Ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống: khuyến khích đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ chế biến theo hướng công nghệ cao và thân thiện với môi trường, đặc biệt là chế biến thủy sản và chế biến nước giải khát. Ngành sản xuất

sản phẩm tái chế: phát triển sản xuất ở qui mô phù hợp với nguồn nguyên liệu tái chế, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tại chỗ và các tỉnh lân cận.

Phát triển khu, cụm công nghiệp:

- Khu công nghiệp (KCN) Sông Hậu: tiếp tục đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong KCN. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách về thu hút các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động trong KCN. Định hướng ngành nghề thu hút đầu tư: ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm thân thiện với môi trường,... Quan tâm chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng bên ngoài khu công nghiệp phục vụ cho đời sống công nhân lao động làm việc trong KCN.

- Cụm công nghiệp (CCN) Đông Phú (giai đoạn 1): đây là CCN xây mới, có quy mô 120 ha, tại xã Đông Phú. Đẩy nhanh đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong CCN, đây là một trong những điều kiện tiên quyết thu hút nhà đầu tư. Định hướng ngành nghề thu hút đầu tư là ngành công nghiệp chế biến thủy hải sản, chế biến nông sản...

- Cụm công nghiệp Phú Hữu A (giai đoạn 3): điều chỉnh diện tích từ 549 ha, giảm còn 80 ha, tại thị trấn Mái Dầm. Định hướng ngành nghề thu hút là các ngành công nghiệp phụ trợ không gây ô nhiễm môi trường.

b) Ngành xây dựng:

- Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã hoạt động sản xuất trong ngành xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng hoạt động hiệu quả và có nhiều đóng góp tích cực đối với sự phát triển của huyện.

- Tiếp tục rà soát tình hình thực hiện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chi tiết và các quy hoạch trong lĩnh vực xây dựng đã được phê duyệt, đồng thời có sự điều chỉnh, bổ sung và xóa bỏ kịp thời các quy hoạch khi không còn phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của địa phương.

- Triển khai nhanh 2 quy hoạch trọng điểm về phát triển đô thị của huyện, đó là điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Ngã Sáu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và đồ án quy hoạch chung đô thị Mái Dầm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Mục tiêu phát triển: Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất (GTSX) xây dựng giai đoạn 2016-2020 là 10,5%/năm. Đến năm 2020, GTSX xây dựng là 1.679 tỷ đồng (theo giá hiện hành), chiếm 14,4% tổng GTSX của khu vực II. Tốc độ tăng trưởng bình quân GTGT xây dựng giai đoạn 2016-2020 là 15,6%/năm. Đến năm 2020, GTGT xây dựng là 609 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Triển khai một số công trình xây dựng trọng điểm của huyện trong thời kỳ quy hoạch.

2. Về nông - ngư nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Tập trung vào cơ giới hóa cao, thủy lợi hóa, để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất các cây chủ lực của địa phương như cây lâu năm, cây ăn quả,... Trong đó chú trọng đến việc liên kết sản xuất, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến ngư và tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các hộ nông dân mạnh dạn đầu tư phát triển kinh tế trang trại,

gia trại, đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi. Xây dựng nông thôn mới đạt 50% vào năm 2020, các xã còn lại đạt từ 50-70% về các tiêu chí.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến ngư và tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các hộ nông dân mạnh dạn đầu tư phát triển kinh tế trang trại, gia trại, đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển ổn định nhóm cây chủ lực: cây ăn trái, cây lâu năm vào năm 2020, bao gồm các loại cây có giá trị cao và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của huyện như: chanh không hạt, cam, quýt, bưởi, mít; đồng thời, tăng cường một số loại mô hình canh tác công nghệ cao, đi vào chiều sâu.

- Giá trị sản xuất (giá hiện hành) năm 2020 đạt 740 tỷ đồng, sản lượng trái cây 14.000 tấn, sản lượng rau đậu 814 tấn.

- Phát triển chăn nuôi heo, gia cầm theo hướng chuyển dịch từ nhỏ lẻ sang trang trại theo phương thức nuôi công nghiệp và công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh bảo vệ môi trường. Đàn gia súc 17.000 con, gia cầm 365.000 con.

- Tăng đầu tư hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản tập trung, phát triển giống thủy sản, hệ thống cảnh báo và giám sát môi trường. Phát triển các mô hình nuôi cá tra thương phẩm, cá thác lát, mô hình nuôi lươn đồng phẩm... phát triển ổn định theo hướng chuyên sâu và đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn GAP. Sản lượng thủy sản nuôi trồng 11.000 tấn, sản lượng khai thác 690 tấn.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, hiệp hội khoa học, hợp tác xã ...tạo chuỗi liên kết khép kín từ khâu đầu vào đến quá trình tiêu thụ theo chuỗi sản phẩm một cách có hệ thống và an toàn, tránh hiện tượng cung cấp dịch vụ kém chất lượng và gây tác động xấu như: Phân bón thuốc trừ sâu giả, thiếu thuốc, thiếu kỹ thuật ... làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của sản xuất nông nghiệp. Dịch vụ là khâu kích hoạt kịp thời để hỗ trợ trong quá trình sản xuất cũng như bao tiêu.

3. Các ngành dịch vụ

Phát triển từng bước đồng bộ mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại, trong đó có chú trọng hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị. Phát huy hơn nữa công tác xã hội hóa đầu tư chợ trên địa bàn. Thương mại góp phần đẩy mạnh lưu thông hàng hóa và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của dân cư và là đòn bẩy thúc đẩy các loại hình dịch vụ khác phát triển nhanh hơn cũng như tác động mạnh mẽ đến nông nghiệp và công nghiệp trên địa bàn. Trong thời kỳ từ nay đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng của thương mại cần duy trì từ 13%- 14%/mỗi năm. Hoàn thiện hệ thống chợ và hoạt động quy củ, kiểm soát tốt về cơ sở vật chất, sản phẩm và kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật... , tạo cơ sở vững chắc thúc đẩy mạnh mẽ khả năng cung ứng và tiêu thụ hàng hóa. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch lên khoảng trên 2.900 tỷ đồng vào năm 2020, tăng gấp 5,4 lần năm 2015. Số

cơ sở tham gia hoạt động kinh doanh có bước chuyển biến tích cực về quy mô vốn và khả năng cung ứng. Mạng lưới chợ, siêu thị, khu thương mại: củng cố hoàn thiện và nâng cấp 7 chợ: Ba chợ loại II, bốn chợ loại III với tổng diện tích 20.937m².

Trong thời gian tới phát triển du lịch là một trong những mục tiêu trọng tâm của Châu Thành, đưa du lịch trở thành một trong những ngành có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của huyện, phát triển du lịch của Châu Thành là du lịch sinh thái cảnh miệt vườn, sông nước và đặc sản miền quê như Bưởi năm roi Phú Hữu, nguồn thủy sản tự nhiên, tạo điều kiện khai thác khu du lịch sinh thái Phú Hữu.

Đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông và Internet băng thông rộng phủ khắp các xã, thị trấn trong huyện, chất lượng cao, giá rẻ, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của người dân, làm nền tảng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; đảm bảo duy trì hoạt động của điểm Bru điện - hóa xã. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nối mạng Internet, tạo tiền đề tham gia chương trình thương mại điện tử, giao dịch điện tử, phổ cập các dịch vụ bưu chính, viễn thông. Đến năm 2020, số thuê bao điện thoại đạt 90 máy/100 dân và tỷ lệ người sử dụng internet đạt 75%, 100% xã, thị trấn trên địa bàn có điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng và phục vụ nhiều loại hình dịch vụ theo yêu cầu.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nâng cấp cổng thông tin điện tử huyện, cung cấp tất cả dịch vụ công cho doanh nghiệp và người dân.

Duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, đảm bảo cung cấp vốn theo yêu cầu đầu tư. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi tín dụng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ gia đình tiếp cận nguồn vốn thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi để hộ dân tộc, hộ nghèo và sinh viên được vay vốn.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

- Giáo dục và đào tạo:

Đến năm 2020 phấn đấu có 75%-80% trường đạt chuẩn quốc gia. Phát triển đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ về số lượng và chuẩn về chất lượng. Triển khai các phương thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt, thông qua việc lồng ghép chương trình mục tiêu quốc gia với Ngân sách địa phương. Gắn dạy nghề với tạo việc làm, thị trường lao động và liên kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp đóng trên địa bàn, mở lớp

dạy nghề tại doanh nghiệp, đào tạo theo địa chỉ, đặt hàng dạy nghề. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 45-50%.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Phát triển đồng bộ, toàn diện hệ thống y tế của huyện theo hướng từng bước hiện đại. Phát triển hệ thống khám chữa bệnh theo cụm dân cư, nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe với chất lượng ngày càng cao. Tập trung xây dựng trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực đạt tiêu chí Quốc gia về y tế. Tăng cường bác sĩ cho các trạm y tế xã, nâng cao ý thức phục vụ và chất lượng khám, chữa bệnh của đội ngũ cán bộ y tế, thực hiện tốt việc điều trị Đông, Tây y kết hợp. Đến năm 2020 có 100% trạm y tế xã - thị trấn đạt chuẩn, 100% trạm y tế xã - thị trấn có bác sĩ, số giường bệnh/ vạn dân đạt 18,3 giường, 8 bác sĩ/vạn dân, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 85%. quản lý và xử lý tốt chất thải y tế đạt chuẩn; tăng cường quản lý vệ sinh và an toàn thực phẩm.

- Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và truyền thông:

Đến năm 2020 có 90% xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, gia đình văn hóa đạt trên 90%. Mở rộng mô hình mẫu đưa Internet tới cộng đồng dân cư nông thôn. 100% xã có nhà văn hóa, trung tâm giáo dục cộng đồng và sân bóng đá; 100% dân số nông thôn và thành thị được tiếp nhận và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa, thông tin qua đài phát thanh, truyền hình, báo chí và các thông tin đại chúng khác. Tỷ lệ người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 35%, 100% xã - thị trấn có sân bãi tập luyện thể dục thể thao.

- Ứng dụng khoa học công nghệ:

Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất, ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp (cây ăn trái, thủy sản), nâng cao năng suất lao động, nâng cao thu nhập cho nông dân và tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Mỗi năm ít nhất có 01 dự án khoa học công nghệ được chuyển giao ứng dụng vào trong nông nghiệp nông thôn.

- Các vấn đề xã hội khác:

Thực hiện tốt chính sách ưu đãi xã hội, chăm sóc và nâng cao mức sống của người có công, gia đình liệt sĩ, thương - bệnh binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam/dioxin, chăm sóc người già neo đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật ổn định cuộc sống.

Phấn đấu mỗi năm giải quyết việc làm cho 3.500- 4.000 lao động nông thôn. Tổ chức triển khai tốt các chương trình, dự án giảm nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 còn 2%.

Tăng cường công tác quản lý môi trường ngày càng hiệu quả. Phát triển nông nghiệp hướng tới nông nghiệp sinh thái. Thu gom và xử lý chất thải rắn đạt 97% ở đô thị và 80% tại các cụm dân cư nông thôn. Xử lý 100% rác thải y tế.

Hỗ trợ nhân dân giải quyết nhà tạm bợ ở thị trấn và nông thôn, các hộ tái định cư, các hộ có thu nhập thấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình, khắc phục hiệu quả tình trạng sạt lở đất, di dân.

5. Về quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố và tăng cường quốc phòng - an ninh trong quá trình thực hiện quy hoạch. Quán triệt và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác quốc phòng - an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và cơ quan quân sự địa phương vững mạnh; tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đạt 100%, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên đạt tỷ lệ qui định. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về quốc phòng; bảo đảm ngân sách cho công tác quốc phòng - an ninh.

6. Về phát triển kết cấu hạ tầng

- Giao thông - Thủy lợi:

Tranh thủ nguồn vốn của Trung ương, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh đi qua huyện đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, bao gồm: Đường tỉnh 925, 925C, 927C. Tranh thủ nguồn vốn của tỉnh để nâng cấp một số tuyến đường huyện quan trọng, bức xúc. Hoàn thiện dần mạng lưới đường đô thị thị trấn Ngã Sáu, thị trấn Mái Dầm, theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt. Tiếp tục xã hội hóa đầu tư, hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nông thôn, bảo đảm 100% xã, thị trấn có đường giao thông nông thôn liên xã, liên ấp, kết hợp giữa giao thông và thủy lợi, tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, theo tiêu chí nông thôn mới.

Đẩy mạnh đầu tư công trình thủy lợi khép kín đối với vùng cây ăn trái, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từng bước khép kín từng khu vực sản xuất. Nhiệm vụ của ngành thủy lợi trong thời gian tới là tập trung đầu tư nạo vét và nâng cấp hệ thống kênh cấp II, III hiện có, từng bước hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi với tổng diện tích khép kín 5.529 ha. Hoàn thành tuyến bờ bao cho vùng chuyên canh Bưởi Năm roi 2.500 ha, vùng bờ bao cho nuôi trồng thủy sản Đông Phước 1.356 ha, vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng Đông Phước A. Về lâu dài tiến tới bê tông hóa cống đập, đảm bảo chủ động tưới tiêu, ngăn lũ cho cây ăn trái, rau màu và nuôi thủy sản...

- Phát triển lưới điện:

Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,9% vào năm 2020, trong đó sử dụng điện an toàn

trên 90%. Ngành điện sẽ cải tạo mạng lưới điện, đồng bộ với xây dựng các trạm biến thế, để đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn sử dụng điện an toàn cho người dân.

- Cấp, thoát nước:

Nhiệm vụ chính là cung cấp nước hợp vệ sinh từ các hệ thống cấp nước đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho cả khu vực thành thị lẫn nông thôn, cho sản xuất công nghiệp, hạn chế việc sử dụng nguồn nước ngầm từ các giếng khoan nhằm bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này. Dự kiến đầu tư các công trình: Nhà máy nước khu đô thị - công nghiệp Sông Hậu; trạm cung cấp nước hợp vệ sinh thị trấn Ngã Sáu, Mái Dầm; mỗi điểm dân cư xây dựng 01 trạm cung cấp nước hợp vệ sinh.

Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt dân cư tại khu vực nội ô các thị trấn và các khu dân cư, sau khi được xử lý qua hệ thống tự hoại của từng gia đình và nước thải công nghiệp, sau khi được xử lý ở cơ sở sản xuất, sẽ theo hệ thống thoát nước thải chung qua mạng lưới đường ống thoát nước bản có đường kính \varnothing 200 - 400, được lắp đặt ở độ sâu 0,8m, bố trí dọc theo phân chia hệ đi bộ để thoát ra kênh rạch. Nước thải công nghiệp khi chảy ra hệ thống đường công thoát ra các kênh rạch phải đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định về môi trường. Đối với khu công nghiệp: do nằm đầu nguồn nước nên nhất thiết các nhà máy, xí nghiệp trước khi thải ra sông phải được xử lý, nghiêm cấm trường hợp thải nước bẩn ra sông làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản.

- Hạ tầng bưu chính, viễn thông:

Tập trung vào nâng cấp các bưu cục hiện có, mở rộng các đại lý bưu điện đa dịch vụ. Cung cấp tất cả các loại hình dịch vụ bưu chính đến cấp xã, ấp, nâng cao chất lượng mạng đường thư bằng cách cung cấp dịch vụ tra cứu bưu phẩm, bưu kiện qua mạng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

Phát triển hài hòa giữa thành thị với nông thôn; từng bước thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các xã trong huyện.

1. Định hướng phát triển không gian đô thị - nông thôn

Thị trấn Ngã Sáu: Thị trấn Ngã Sáu được định hướng là trung tâm chính trị, kinh tế văn hóa - xã hội của huyện Châu Thành, đồng thời là đô thị hậu cần cho trung tâm phát triển công nghiệp. Quy mô dân số đô thị đạt 20.000 người vào năm 2020. Phân đầu đến năm 2020, nâng cấp thị trấn Ngã Sáu đạt đô thị loại IV.

Thị trấn Mái Dầm: Thị trấn Mái Dầm hình thành cùng với sự phát triển của khu công nghiệp sông Hậu, động lực phát triển chính là công nghiệp, cùng với thị trấn Ngã Sáu, Mái Dầm sẽ là động lực cho quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa của huyện Châu Thành. Quy mô dân số đô thị năm 2020 là 16.000 người.

2. Định hướng phát triển các khu dân cư, tuyến dân cư

Trong thời kỳ quy hoạch, dự kiến phát triển một số khu dân cư và các tuyến dân cư

trên địa bàn huyện như: khu dân cư trung tâm thị trấn Ngã Sáu, quy mô 10 ha; khu tái định cư Ngã Sáu giai đoạn 1, quy mô 05 ha; khu dân cư trung tâm thị trấn Mái Dầm, quy mô 08 ha; các tuyến dân cư đô thị tại thị trấn Ngã Sáu và thị trấn Mái Dầm, quy mô 15 ha; khu dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (GD II), quy mô 05 ha; khu dân cư trung tâm xã Đông Phước A, quy mô 3,6 ha; khu dân cư trung tâm xã Đông Thạnh, quy mô 03 ha; khu dân cư trung tâm xã Phú An, quy mô 1,5 ha; khu dân cư trung tâm xã Đông Phú, quy mô 6 ha; khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Sông Hậu đợt 3, giai đoạn I, quy mô 8,5 ha; khu dân cư trung tâm xã Đông Phước, quy mô 4,7 ha; khu dân cư trung tâm xã Phú Tân, quy mô 1,5 ha; khu dân cư trung tâm xã Phú Hữu, quy mô 5,0 ha và các tuyến đất ở nông thôn của các xã trên địa bàn 7 xã, quy mô 60,23 ha.

3. Phân vùng kinh tế

Tổ chức không gian kinh tế của huyện được phân thành 3 tiểu vùng:

- Tiểu vùng I: gồm thị trấn Mái Dầm và 1 phần diện tích xã Đông Phú. Tiểu vùng có đặc điểm tự nhiên là ven sông Hậu và có vị trí giao thương rất thuận lợi với thành phố Cần Thơ, một trung tâm kinh tế, đô thị lớn của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hướng phát triển chủ yếu là phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường.

- Tiểu vùng II: gồm thị trấn Ngã Sáu và các khu vực lân cận. Định hướng phát triển vùng: phát triển thương mại - dịch vụ.

- Tiểu vùng III: các xã còn lại. Định hướng phát triển nông nghiệp sạch, chất lượng cao, năng suất vượt trội, hướng tới tiêu chuẩn GAP và VietGap chủ yếu là đối với cây ăn trái.

V. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ (Đính kèm Phụ lục)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Vốn đầu tư và giải pháp huy động vốn

- Ngân sách tỉnh, Trung ương đầu tư vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phúc lợi của huyện từ kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.

- Kết hợp cùng Ban Quản lý Khu công nghiệp tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư an tâm đến đầu tư và ổn định sản xuất cũng như thu hút lao động đến định cư và làm việc tại huyện.

- Tập trung nguồn vốn ngân sách từ chương trình xây dựng nông thôn mới, đầu tư có lựa chọn vào các dự án xây dựng hạ tầng nông thôn.

- Đầu tư hạ tầng đô thị xây dựng thị trấn Ngã Sáu lên đô thị loại IV.

- Sở, ban, ngành tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện hình thức hợp tác công - tư (PPP) và đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, y tế.

2. Chính sách về nhân lực

- Nhân lực phục vụ cho công nghiệp: tập trung kết hợp với các trung tâm lớn, đặc biệt là thành phố Vị Thanh, thành phố Cần Thơ mở các khóa học về đào tạo nghề, tác phong đạo đức và các chuẩn mực khi tham gia lao động công nghiệp phục vụ

cho nhu cầu về chuyển dịch lao động tại địa phương.

- Nhân lực phục vụ cho nông nghiệp: thông qua tổ chức đào tạo nghề lao động nông thôn.

- Nhân lực phục vụ thương mại - dịch vụ: thông qua đào tạo nghề phi nông nghiệp.

- Nhân lực phục vụ trong khối quản lý nhà nước và các lĩnh vực công: thực hiện theo qui hoạch đào tạo cán bộ của huyện, gắn đào tạo với sử dụng hiệu quả.

3. Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ

- Tập trung đầu tư phát triển tiềm lực khoa học công nghệ theo hướng tập trung nghiên cứu ứng dụng ở 3 lĩnh vực ưu tiên là: Phát triển nông nghiệp, đô thị; thực hiện cải cách hành chính và đào tạo phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ. Trong đó, tiếp tục khẳng định 3 mũi nhọn trong hoạt động: Công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ sinh học và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, là động lực chính để phát triển khoa học và công nghệ, góp phần tích cực vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của huyện Châu Thành.

- Tin học hóa những nội dung quan trọng trong hệ thống quản lý nhà nước trên địa bàn huyện gắn với việc cải cách thủ tục hành chính.

- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ và ứng dụng vào sản xuất của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp có hiệu quả với các trường đào tạo trong vùng, tạo điều kiện ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chú trọng việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp, thủy sản. Đặc biệt chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ mới vào công tác giống để nhanh chóng phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp vào cung cấp thực phẩm và rau quả sạch,... cho các khu đô thị và công nghiệp và thành phố Cần Thơ cũng như các vùng phụ cận.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính

- Đào tạo nâng cao năng lực, cả về nhận thức, tư tưởng và năng lực công tác cho cán bộ từ cấp cơ sở xã, thị trấn.

- Cải cách bộ máy hành chính các cấp, bố trí và sắp xếp cán bộ một cách hợp lý, đúng người, đúng việc.

- Chủ động đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính và quy chế dân chủ trong quản lý hành chính của nhà nước trên địa bàn, nâng cao trách nhiệm, năng lực quản lý điều hành của bộ máy tổ chức của huyện.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý hành chính, phát triển Trang thông tin điện tử của huyện gắn chặt với quá trình cải cách thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan quản lý của nhà nước.

- Cải cách hành chính trên địa bàn cần phải có sự phối hợp chặt chẽ với tỉnh và Trung ương, tạo ra môi trường tốt để đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh

doanh, đầu tư phát triển.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành đến năm 2020 cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện, để từng bước thực hiện đạt mục tiêu Quy hoạch.

2. Xây dựng các chương trình hành động

Cụ thể hóa các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm, các chương trình. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Châu Thành.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH. TT.

D/2015/điều chỉnh quy hoạch CT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Văn Hùng